

Ngày 28-12-2020

V/v Yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận.

Ông Nguyễn Văn Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tùng Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 297/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa:

1- **Nguyên đơn:** Ông Hồ Văn Thi K, sinh năm 1980, Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 18, ấp Cây C, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2- **Bị đơn:** Bà Đỗ Thị Phương T, sinh năm 1987, Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 18, ấp C, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, bản khai tiếp theo nguyên đơn ông Hồ Văn Thi K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K với bà T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, giấy đăng ký kết hôn số 40 ngày 05 tháng 4 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 18 ấp C, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bà T cờ bạc gây nợ nần, năm 2016 bỏ trốn khỏi địa phương không còn liên lạc. Ngày 18/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã có Quyết định số 06/2020/QĐST-VDS tuyên bố bà T mất tích.

Về con chung: Có 02 người tên Hồ Nhựt T, sinh ngày 23/4/2005 và Hồ Nhựt L, sinh ngày 13/6/2009 tình trạng sức khỏe bình thường, hiện đang sống cùng ông K.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Nay, ông K yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Phương T; Về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị Phương T vắng mặt tại phiên tòa, bà T đã bị Tòa án tuyên bố một người mất tích tại Quyết định số 06/2020/QĐST-VDS ngày 18/09/2020.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Đối với bị đơn đã bị tuyên bố mất tích.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, bị đơn mất tích căn cứ Điều 68 Bộ luật dân sự đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến của Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

[1]Về tố tụng: Ông K yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bà T có nơi cư trú cuối cùng tại xã L, huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T bị tuyên bố mất tích, ông K có đơn xin xét xử vắng mặt việc xét xử vắng đương sự phù hợp Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

[2.1]Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông K, bà T là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa ông K, bà T xảy ra mâu thuẫn theo ông K là do không hợp nhau, bà Thúy ham mê cờ bạc không quan tâm gia đình, gây nợ nần bị chủ nợ đến đòi nợ, từ đó bà T bỏ trốn biệt tích. Ông K đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T mất tích tại Quyết định số 06/2020/QĐST-VDS. Nay, ông K yêu cầu giải quyết ly hôn, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông K theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K.

[2.2]Về nuôi con chung: Từ ngày bà T bỏ đi con chung do ông K trực tiếp nuôi dưỡng, tình trạng sức khỏe bình thường ông K có đủ điều kiện nuôi con chung. Nên giao con chung cho ông K nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung được quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]Về tài sản chung và nợ chung: Ông K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông K phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hồ Văn Thi K, ông K được ly hôn với bà Đỗ Thị Phương T.

2/- Về con chung: Ông K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Nhựt T, sinh ngày 23/4/2005 và Hồ Nhựt L, sinh ngày 13/6/2009, ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn ông K, bà T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4/- Về án phí: Ông Hồ Văn Thi K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000941 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ; bà Đỗ Thị Phương T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến